ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2656 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 11năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất (giai đoạn 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 32/2026/TT-BXD ngày 22/6/2026; số 34/2026/TT-BXD ngày 25/6/2026; số 36/2026/TT-BXD, số 37/2026/TT-BXD, số 38/2026/TT-BXD và số 39/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026;

Căn cứ Kết luận số 1049-KL/TU ngày 07/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo thông báo vốn của Thủ tướng Chính phủ và 06 dự án đăng ký vốn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 22/8/2026 của HĐND tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 3 về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 của HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 7 về dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 25/9/2026 của HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ 8 về quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố một phần Quy định tại Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025, Quyết định số 51/2025/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh tiếp tục có hiệu lực;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 09/6/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 29/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 12/10/2026 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất (giai đoạn 2);

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh tại các Tờ trình số 608/TTr-BQLDA ngày 02/10/2026, số 639/Tr-BQL ngày 14/10/2026; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 8305/SXD-HĐXD ngày 14/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất (giai đoạn 2), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất (giai đoạn 2).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Dự án nhóm B, lĩnh vực giao thông; hình thức đầu tư: cải tạo, nâng cấp.

- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

3. Mã định danh dự án: 5126412270300.

4. Địa điểm xây dựng; diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tuyến đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ ngã tư Bình Thuận đến cảng Hào Hưng). Chiều dài tuyến khoảng L = 3.284m; Điểm đầu (Km0+00): Tại ngã tư Bình Thuận (giáp Quốc lộ 24C); Điểm cuối (Km3+300): Giáp cảng Hào Hưng.

- Tuyến 5 Đông (đường N11): Chiều dài tuyến khoảng L=730m; Điểm đầu: Giáp đường Võ Văn Kiệt; Điểm cuối: Giáp vào đường D9.

- Tuyến Đông Doosan (đường D9): Chiều dài tuyến khoảng L=700m; Điểm đầu: Nối tiếp đường N11; Điểm cuối: Giáp đường N5.

- Tuyến nối đường Đông Doosan đến Quốc lộ 24C (đường N5): Chiều dài tuyến khoảng L=720m; Điểm đầu: Từ nút giao với đường D9; Điểm cuối: Giáp đường Quốc lộ 24C.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: Khoảng 24,82ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu khảo sát; nhà thầu thẩm tra:

- Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc (mã số doanh nghiệp: 4300371588), Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng và Đầu tư Quảng Ngãi (mã số doanh nghiệp: 4300225548), Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp Bách Toàn Thắng (mã số doanh nghiệp: 4001253699).

- Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Giao thông Kon Tum (mã số doanh nghiệp 6100200941). Nhà thầu lập Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông: Công ty Cổ phần Tư vấn Giao thông và Xây dựng Hà Nội.

- Nhà thầu lập mô hình BIM: Công ty Cổ phần giáo dục và công nghệ INNOVATA (mã số doanh nghiệp: 4000994415).

8. Mục tiêu dự án: Từng bước hoàn thiện Hệ thống hạ tầng giao thông và Hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch được duyệt; đảm bảo kết nối thông suốt Khu kinh tế Dung Quất và các khu vực xung quanh, đáp ứng kịp thời nhu cầu vận chuyển hàng hóa, vật tư, vật liệu và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn; đồng thời góp

phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường đảm bảo an ninh - quốc phòng, an toàn giao thông cho người dân trong khu vực.

9. Quy mô đầu tư xây dựng và các giải pháp thiết kế chính:

9.1. Quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến đường nâng cấp, mở rộng khoảng L = 5,434km.

- Tải trọng trục 120kN; Mô đun đàn hồi: 155Mpa.

- Mặt đường bằng bê tông nhựa; móng cấp phối đá dăm, tận dụng lại nền đường cũ.

- Xây dựng vỉa hè, lát gạch vỉa hè bằng gạch bê tông tự chèn, trồng cây xanh.

- Xây dựng hệ thống thoát nước: Thoát nước dọc, thoát nước ngang; tải trọng thiết kế: Vỉa hè: H10–X60; lòng đường: H30–XB80.

- Hệ thống điện chiếu sáng; nút giao thông.

- Thiết kế an toàn giao thông: Thiết kế theo QCVN 41:2024/BGTVT.

- Các hạng mục phụ trợ, thiết yếu khác.

a) Tuyến đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ ngã tư Bình Thuận đến cảng Hào Hưng)

- Loại đường thiết kế: Đường liên khu vực. Tốc độ thiết kế 60Km/h.

- Chiều dài tuyến khoảng L = 3.284m; Bề rộng nền đường B_n = 47,5m; Bề rộng mặt đường B_m = 11,25mx2 = 22,50m; Bề rộng dải phân cách Bdpc = 5m; Bề rộng vỉa hè = 10mx2=20,0m.

b) Tuyến 5 Đông (đường N11)

- Loại đường thiết kế: Đường khu công nghiệp và kho tàng (Đường khu vực). Tốc độ thiết kế 50Km/h.

- Chiều dài tuyến khoảng L=730m; Bề rộng nền đường: B_n = 30,0m; Bề rộng mặt đường: B_m = 7,5x2(bên) = 15,0m; Bề rộng hè đường: Blề = 7,5m x 2(bên) = 15,0m.

c) Tuyến Đông Doosan (đường D9)

- Loại đường thiết kế: Đường khu công nghiệp và kho tàng (Đường khu vực); tốc độ thiết kế 50Km/h.

- Chiều dài tuyến khoảng L=700m; Bề rộng nền đường: B_n = 30,0m; Bề rộng mặt đường: B_m = 7,5x2(bên) = 15,0m; Bề rộng hè đường: Blề = 7,5m x 2(bên) = 15,0m.

d) Tuyến nối đường Đông Doosan đến Quốc lộ 24C (đường N5)

- Loại đường thiết kế: Đường khu công nghiệp và kho tàng (Đường khu vực); tốc độ thiết kế 50Km/h.

- Chiều dài tuyến khoảng L=720m; Bề rộng nền đường: B_n = 36,0m; Bề

rộng mặt đường: B_m = 10,5x2(bên) = 21,0m; Bề rộng hè đường: Blề = 7,5m x 2(bên) = 15,0m.

9.2. Các giải pháp thiết kế chính:

9.2.1. Bình đồ

Các tuyến đường được nâng cấp nền, mặt đường trên cơ sở nền, mặt đường hiện hữu. Do đó, tim đường thiết kế ưu tiên bám theo tim tuyến hiện hữu, hạn chế thay đổi hướng tuyến đồng thời xem xét hiệu chỉnh cục bộ tại các vị trí cần thiết để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và điều kiện khai thác.

9.2.2. Trắc dọc:

Trắc dọc tuyến được thiết kế trên nguyên tắc kết hợp hài hòa với bình đồ tuyến, bảo đảm độ êm thuận khi xe chạy, phù hợp với điều kiện địa hình và hiện trạng công trình hai bên tuyến; bảo đảm chiều dày kết cấu áo đường tăng cường trên kết cấu mặt đường cũ, hạn chế tôn cao mặt đường tại các đoạn qua khu dân cư, giảm thiểu ảnh hưởng đến cao độ nền nhà và lối ra vào của các hộ dân, khác nhà máy sản xuất công nghiệp. Đồng thời, phương án thiết kế được lựa chọn nhằm hạn chế khối lượng đào đắp, tận dụng tối đa kết cấu hiện hữu còn khả năng sử dụng và bảo đảm yêu cầu thoát nước, an toàn giao thông.

9.2.3. Trắc ngang:

a) Tuyến đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ ngã tư Bình Thuận đến cảng Hào Hưng): Bề rộng nền đường B_n = 47,5m; Bề rộng mặt đường B_m = 11,25mx2 = 22,50m; Bề rộng dải phân cách Bdpc = 5m; Bề rộng vỉa hè = 10mx2=20,0m; Độ dốc ngang mặt đường: Imd= 2%; Độ dốc ngang hè đường: Ilề= 2%.

b) Tuyến 5 Đông (đường N11): Bề rộng nền đường: B_n = 30,0m; Bề rộng mặt đường: B_m = 7,5x2(bên) = 15,0m; Bề rộng hè đường: Blề = 7,5m x 2(bên) = 15,0m; Độ dốc ngang mặt đường: Imd= 2%; Độ dốc ngang hè đường: Ilề= 2%.

c) Tuyến Đông Doosan (đường D9): Bề rộng nền đường: B_n = 30,0m; Bề rộng mặt đường: B_m = 7,5x2(bên) = 15,0m; Bề rộng hè đường: Blề = 7,5m x 2(bên) = 15,0m; Độ dốc ngang mặt đường: Imd= 2%; Độ dốc ngang hè đường: Ilề= 2%.

d) Tuyến nối đường Đông Doosan (đường D9) đến Quốc lộ 24C (đường N5): Bề rộng nền đường: B_n = 36,0m; Bề rộng mặt đường: B_m = 10,5x2(bên) = 21,0m; Bề rộng hè đường: Blề = 7,5m x 2(bên) = 15,0m; Độ dốc ngang mặt đường: Imd= 2%; Độ dốc ngang hè đường: Ilề= 2%.

9.2.4. Nền đường:

- Lớp đất trên cùng nền đường dày 30cm, độ đầm chặt K≥0,98. Các lớp còn lại của nền đường đắp, nền thiên nhiên, nền đào phải đảm bảo độ chặt lu lèn K≥0,95.

- Yêu cầu về cường độ nền đường: Đất nền sau khi đầm nén phải đảm bảo khu vực tác dụng của nền đường luôn đạt yêu cầu sau: 30cm trên cùng phải đảm bảo sức chịu tải CBR > 8; 50cm tiếp theo phải đảm bảo sức chịu tải CBR > 5.

- Khi đắp trên mái dốc có độ dốc lớn hơn 20% tiến hành đào cấp bằng thủ công, chiều rộng cấp tối thiểu 1,0m. Khi nền đắp gặp phải lớp đất không thích hợp (đất hữu cơ) cần phải đào bỏ lớp đất không thích hợp này và thay thế bằng vật liệu thích hợp.

- Taluy nền đắp 1/1,5. Gia cố mái taluy đường và gia cố thượng lưu, hạ lưu cống, kết cấu bằng bê tông M150 dày 12cm. Bố trí tầng lọc ngược để thoát nước. Chân khay bằng bê tông M150. Một số vị trí được gia cố bằng tường chắn bê tông cốt thép M300, tầng lọc ngược để thoát nước.

9.2.5. Kết cấu mặt đường (các lớp từ trên xuống):

a) Kết cấu áo đường tăng cường trên mặt đường nhựa hiện hữu: Bê tông nhựa chặt BTNC16 dày 5cm; Tưới nhũ tương nhựa đường CRS-01 dính bám 0,5 l/m^2; Bê tông nhựa chặt BTNC19 dày 7cm; Tưới nhũ tương nhựa đường CSS-1 thấm bám 1,0 l/m^2; Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1 Dmax25 ≥15cm; Cày sọc mặt đường cũ (mặt đường BTN).

b) Kết cấu áo đường tăng cường trên mặt đường BTXM hiện hữu còn tốt: Bê tông nhựa chặt BTNC16 dày 5cm; Lưới cốt sợi thuỷ tinh cường độ chịu kéo 100x100 KN/m (chống nứt phản ánh); Tưới nhũ tương nhựa đường CRS-01 dính bám 0,5 l/m^2; Bê tông nhựa chặt BTNC19 dày trung bình 7cm; Tưới nhũ tương nhựa đường CRS-01 dính bám 0,5 l/m^2; Mặt đường BTXM hiện hữu còn tốt;

c) Kết cấu áo đường tăng cường trên mặt đường BTXM hiện hữu rạn nứt, bong tróc (đoạn cuối tuyến): Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau: Bê tông nhựa chặt BTNC16 dày 5cm; Tưới nhũ tương nhựa đường CRS-01 dính bám 0,5 l/m^2; Bê tông nhựa chặt BTNC19 dày trung bình 7cm; Tưới nhũ tương nhựa đường CRS-01 dính bám 0,5 l/m^2; Hỗn hợp nhựa bán rỗng HHBR 25, dày trung bình 12cm; Tưới nhũ tương nhựa đường CRS-01 dính bám 0,5 l/m^2; Mặt đường BTXM hiện hữu rạn nứt, bong tróc.

d) Kết cấu áo đường làm mới: Bê tông nhựa chặt BTNC16 dày 5cm; Tưới nhũ tương nhựa đường CRS-01 dính bám 0,5 l/m^2; Bê tông nhựa chặt BTNC19 dày trung bình 7cm; Tưới nhũ tương nhựa đường CSS-1 thấm bám 1 l/m^2; Cấp phối đá dăm loại 1 Dmax25 dày 20cm; Cấp phối đá dăm loại 2 Dmax37.5 dày 30cm; Đất đắp nền đường đầm chặt K98 dày 30cm; Lu lèn nền cũ K95.

9.2.6. Nút giao thông: Các nút giao được thiết kế theo dạng giao cùng mức, tổ chức giao thông bằng vòng đảo, dải phân cách di động, vạch sơn, đèn tín hiệu, bố trí đầy đủ biển báo hướng dẫn giao thông

9.2.7. Dải phân cách: Phá dở dải phân cách hiện trạng bằng bê tông xi măng thiết kế lại dải phân cách để phù hợp cao độ mặt đường sau khi cải tạo. Dải phân cách bằng bê tông M300 đổ tại chổ trên lớp đệm cấp phối đá dăm loại 2 Dmax37,5mm dày 10cm. Bố trí thoát nước dải phân cách. Tại các vị trí đường cong có bố trí siêu cao, dải phân cách được cắt rãnh thoát nước mặt phía lưng đường cong bằng mương hở B500. Kết cấu bằng bê tông M300 đổ tại chỗ.

9.2.8. Bó vỉa, vỉa hè, gờ chặn:

- Bó vỉa đổ tại chỗ bằng bê tông M300.

- Vỉa hè: Lát gạch bê tông tự chèn M400 KT (30x30x6)cm trên lớp đệm cát dày 5cm.

- Gờ chặn vỉa hè bằng bê tông M200.

9.2.9. Cây xanh:

- Trên vỉa hè: Các tuyến đường đã có cây xanh hiện hữu chỉ cải tạo hố trồng cây; Bổ sung một số vị trí cây xanh trồng mới (cây sao đen) tại những vị trí thưa thớt trên đoạn đã có cây xanh hiện trạng. Trồng mới cây sao đen 2 bên tuyến trên đoạn chưa có cây xanh để tạo bóng mát và mỹ quan đô thị cho toàn tuyến. Bố trí hố trồng cây hai bên tuyến, khoảng cách giữa các hố trung bình 12m. Hố trồng cây có kích thước lòng trong (100x100)cm bằng bê tông M200 dày 10cm. Trồng cỏ lá gừng ở hai bên phần vỉa hè để tăng cường mảng xanh.

- Trên dải phân cách: Tận dụng giữ lại cây xanh tạo hình hiện hữu, chỉ trồng lại cỏ lá gừng sau khi đắp lớp đất hữu cơ.

9.2.10. Thoát nước mưa:

a) Tuyến Võ Văn Kiệt:

- Cống hiện trạng: Cống V1000, cống tròn D1500, cống tròn D2000, 2D2000 tại một số vị trí trên tuyến hiện còn sử dụng tốt nên chỉ bổ sung hố ga tại các khoảng cách chưa đảm bảo thu nước, làm mới hố thu nước, nâng tường và thay lại tấm đan hố ga hiện hữu cho phù hợp với cao độ vỉa hè thiết kế.

+ Bố trí cống thoát thu nước nước dọc tuyến tại các vị trí chưa có cống, kích thước cống (mương hộp) được lựa chọn B800, B1000, B1500, D1000, D1500.

- Bố trí 4 vị trí cống qua đường xả vào mương hở bên trái tuyến để giảm tải cho hệ thống cống dọc tuyến gồm cống 1H(1.5x1.5)m, 1H(2x2)m.

- Riêng đoạn từ Km1+140-Km3+284 (cuối tuyến) bên trái tuyến bố trí hố thu và xả trực tiếp ra mương hở thoát nước.

- Đoạn từ Km1+140-Km2+063 bên trái tuyến mương đất hiện hữu được thiết kế gia cố mương hở với Bđáy=4m.

b) Tuyến 5 Đông (đường N11)

- Bên trái tuyến: thiết kế mới mương hộp (1200x1200), hướng thoát nước từ N11-24 chảy về N11-1 và chảy ra cửa xả trên mương dọc đường Võ Văn Kiệt.

- Bên phải tuyến: đã có đường ống thoát nước dọc hiện trạng 2D1500 còn sử dụng tốt nên chỉ bổ sung hố thu nước và nâng tường và thay lại tấm đan hố ga cho phù hợp với cao độ vỉa hè thiết kế.

c) Tuyến Đông Doosan (đường D9)

Hai bên tuyến đã có tuyến cống D1000 chảy về tuyến mương B2000 bên phải tuyến còn sử dụng tốt nên bổ sung hố thu nước và nâng tường và thay lại tấm đan hố ga cho phù hợp với cao độ vỉa hè thiết kế.

d) Tuyến nối đường Đông Doosan (đường D9) đến Quốc lộ 24C (đường N5)

- Bên trái tuyến: thiết kế mới mương hộp (1200x1200), hướng thoát nước từ N5-T1 chảy về N5-T24 và chảy ra cống thoát nước ngang BxH(2000x2500) tại Km0+520.06.

- Bên phải tuyến: thiết kế mới mương hộp (1600x1600), hướng thoát nước từ N5-P1 chảy về N5-P24 và chảy ra cống thoát nước ngang BxH(2000x2500) tại Km0+520.06.

đ) Kết cấu:

- Các cống chịu ảnh hưởng bởi chế độ thủy triều nên sử dụng bê tông bền sunfat.

- Mương hộp: Mương hộp thiết kế gồm các loại: B800, B1000, B1500 được thiết kế thân móng mương hộp đổ tại chổ bằng BTCT M300 trên lớp bê tông lót móng M150 dày 10cm; Tấm đan mương bằng BTCT M300;

- Cống hộp: Cống hộp lắp ghép được đặt trên lớp bê tông lót M150; Giữa các đốt cống được chèn bằng join cao su kết hợp vữa xi măng M100.

- Hố ga: Thân móng hố ga nằm dưới mặt đường BTCT M300 dày 20cm, trên lớp bê tông lót móng M150 dày 10cm; Tấm đan đậy hố ga bằng BTCT M300; Phía trong thành hố ga bố trí các bậc thang lên xuống, khoảng cách giữa các bậc là 30cm; bậc đầu tiên cách miệng hố ga 50cm.

- Cống ly tâm: Ống cống ly tâm bằng bê tông M300 gồm các loại: D1000; D1500. Móng cống, gối cống: Móng cống qua đường bê tông M200 trên lớp đệm cấp phối đá dăm loại 1 Dmax 37,5mm dày 10cm. Mối nối ống cống dùng joint cao su kết hợp vữa xi măng.

- Cải tạo hố ga hiện hữu: Trên tuyến có hệ thống cống D1500, D2000, 2D2000 hiện hữu được tận dụng, các hố ga hiện hữu được tận dụng cải tạo nâng thành hố và thay thế các tấm đan bị hư hỏng.

- Các hố thu hiện hữu dọc tuyến được làm mới.

- Mương hở thoát nước dọc: Gia cố mương dẫn dòng thoát nước dọc bên trái tuyến bằng bê tông M300; Dọc theo chiều dài gia cố mái bố trí hệ tầng lọc ngược; Chân khay gia cố bằng bê tông M300 đá 1x2.

9.2.11. Hệ thống an toàn giao thông:

Cọc tiêu, vạch sơn, biển báo, …, Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/ BGTVT.

9.2.12. Hệ thống chiếu sáng:

- Tuyến đường Võ Văn Kiệt (Đoạn từ Ngã Tư Bình Thuận đến Cảng Hào Hưng): cải tạo, tháo dỡ, di dời hệ thống điện chiếu sáng 2 bên đường đường Võ Văn Kiệt (Đoạn từ Ngã Tư Bình Thuận đến Cảng Hào Hưng) để đảm bảo chiếu sáng và phù hợp với tuyến đường sau khi nâng cấp, cải tạo.

- Tuyến đường N11: Bố trí chiếu sáng đi ngầm 2 bên tuyến đường (theo mặt cắt ngang quy hoạch được duyệt), Cột đèn chiếu sáng cần đèn đơn cao 9m, độ vươn của cần 1,5m, bóng Led công suất tối thiểu 100W-220V, dây dẫn điện

đi ngầm: Cu/XLPE/DSTA/PVC(4x16)mm2-600V.

- Tuyến đường D9: Bố trí chiếu sáng đi ngầm 2 bên tuyến đường (theo mặt cắt ngang quy hoạch được duyệt), Cột đèn chiếu sáng cần đèn đơn cao 9m, độ vươn của cần 1,5m, bóng Led công suất tối thiểu 100W-220V, dây dẫn điện đi ngầm: Cu/XLPE/DSTA/PVC(4x16)mm2-600V.

- Tuyến đường N5: cải tạo, tháo dỡ, di dời hệ thống chiếu sáng hiện trạng và bổ sung 01 tuyến chiếu sáng để đảm bảo chiếu sáng tuyến đường: cột đèn chiếu sáng cần đèn đơn cao 11m, độ vươn của cần 1,5m, bóng Led công suất tối thiểu 100W-220V, dây dẫn điện đi ngầm: Cu/XLPE/DSTA/PVC(4x16)mm2-600V.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu:

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt).

10.2. Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Đường ô tô-Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31:2020/TCĐBVN; Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013; Khoan thăm dò địa chất công trình TCVN 9437:2012; Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005; Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông TCCS 39:2022/TCĐBVN; Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38: 2022/TCĐBVN; Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:2023; Thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm TCVN 8859-2023; Nhũ tương nhựa đường a xít thấm bám - yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu; QCVN 07-4:2023 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; Tiêu chuẩn thiết kế bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574-2018; Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT; Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan khác.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **500.000.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng)*, Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 98.000.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng: 322.789.531.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 4.490.665.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 15.565.890.000 đồng.
- Chi phí khác: 4.724.379.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 54.429.535.000 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2030.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

- Nguồn vốn:

+ Ngân sách trung ương 410.000 triệu đồng.

+ Phần còn lại ngân sách tỉnh theo Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh.

- Bố trí kế hoạch vốn: Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch vốn hằng năm được cấp có thẩm quyền giao.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh.

15. Phương án phân chia gói thầu; dự toán gói thầu EPC, EC, EP: Không.

16. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

17. Phương án đào tạo, chuyển giao công nghệ: Không.

18. Yêu cầu về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Chủ đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đo đạc, kiểm đếm, lập, trình thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai; chuẩn xác chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo khối lượng thực tế và đơn giá được duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh *(Chủ đầu tư)* chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, số liệu và tổ chức triển khai dự án, cụ thể:

a) Hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư theo đầy đủ nội dung tại Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 8305/SXD-HĐXD ngày 14/10/2026 trước khi triển khai các bước tiếp theo.

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức đo đạc, kiểm đếm, lập, trình thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; thực hiện thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất (bao gồm đất trồng lúa) theo quy định; phối hợp chặt chẽ với UBND xã Vạn Tường trong công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện quy định về điều kiện khởi công xây dựng công trình theo Điều 48 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

c) Thực hiện thủ tục môi trường (nếu có), rà phá bom mìn, vật nổ; xác định mỏ vật liệu, bãi đổ thải được phép; không đổ thải xuống sông, suối, khu vực làm co hẹp dòng chảy.

d) Kiểm soát chặt chẽ chất lượng khảo sát, thiết kế; kiểm soát khối lượng, biện pháp thi công; thường xuyên đối chiếu giá trị thực hiện lũy kế với tổng mức đầu tư được duyệt, kịp thời báo cáo khi có nguy cơ vượt; lưu giữ đầy đủ hồ sơ, hình ảnh thi công các phần ngầm, phần khuất phục vụ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán.

đ) Thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định; lập kế hoạch vốn hằng năm phù hợp tiến độ, gửi Sở Tài chính tổng hợp.

2. Sở Xây dựng

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh đối với nội dung thẩm định, tham mưu đề xuất phê duyệt dự án.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xây dựng đối với dự án; hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ thiết kế cơ sở, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng.

c) Kịp thời phối hợp với sở, ngành, địa phương có liên quan để xử lý các vấn đề bất cập (nếu có) hoặc tham mưu UBND tỉnh xem xét nếu vượt thẩm quyền.

3. Sở Tài chính: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu liên quan đến nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí vốn và quản lý vốn đầu tư công. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu bố trí vốn phù hợp tiến độ thực hiện dự án; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư theo quy định, bảo đảm hiệu quả, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Sở Công Thương: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các thủ tục về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật

6. UBND xã Vạn Tường: Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư trong công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; tuyên truyền, vận động Nhân dân tạo sự đồng thuận, bảo đảm an ninh, trật tự và các điều kiện cần thiết để triển khai dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XV; Chủ tịch UBND xã Vạn Tường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH, NNMT;
- Lưu: VT, CNXD.tvt.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Tâm Hiển